

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAK ĐOA
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 28/2019/HSST

Ngày: 19/9/2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAK ĐOA - TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Huy Viễn.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Thông.

2. Ông Lê Văn Do.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hiền Băng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Kỳ, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 25/2019/HSST, ngày 31 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2019/QĐXXST-HS, ngày 30 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Việt T, sinh năm 1984 tại Quảng Ngãi;

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;

Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn M, sinh năm 1950 (đã chết) và bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1954;

Bị cáo có vợ là chị Bùi Thị Kiều T, sinh năm 1989 (hiện đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2010 hiện đang ở với mẹ;

Tiền sự: Không;

Tiền án: Bị cáo có 01 tiền án (tại bản án số: 28/2013/HSST, ngày 11/01/2013 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 30 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”);

Nhân thân: Bị cáo đã 01 lần bị kết án nhưng đã được xóa án tích (tại bản án số: 169/2007/HSST, ngày 17/9/2007 bị cáo bị Tòa án nhân dân quận, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”).

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 05/4/2019 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

***Người bị hại:** Ông Võ Văn V, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1983; đều trú tại: Thôn C, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai – đều có mặt.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Anh Bùi Văn Đ, sinh năm 1991; trú tại: Xóm V, thôn A, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi – có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào ngày 16 tháng 3 năm 2016, Nguyễn Việt T đến ở và làm rẫy cà phê thuê cho vợ chồng anh Vũ Văn V và chị Nguyễn Thị X tại thôn C, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Nguyễn Việt T nói với vợ chồng anh V mình tên là “T”, cư trú tại Quảng Ngãi và không cầm theo giấy chứng minh nhân dân. Ngày 26/3/2016, T nói với chị X là mình không có quần áo nên hỏi xin chị X bộ quần áo lao động cũ đang để ở rẫy cà phê và chị X đồng ý. T hỏi mượn chị X chiếc xe mô tô biển số 81T4-7714 để đi đến nhà rẫy cà phê lấy bộ quần áo này nên chị X đồng ý giao xe cho T mượn. Khi vào trong bếp nhà chị X để lấy chìa khóa xe thì T nhìn thấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA của chị X để trên kệ bếp nên đã lấy trộm. Sau đó, T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô của gia đình chị X nên T không đi lên rẫy cà phê mà chạy xe mô tô trên về nhà tại Quảng Ngãi theo đường qua địa phận tỉnh Kon Tum. Trên đường đi, T đã bán chiếc điện thoại trộm cắp tại một cửa hàng mua bán điện thoại di động thuộc địa phận tỉnh Kon Tum (T không nhớ địa điểm) với số tiền 150.000 đồng. T dùng số tiền này để đổ xăng rồi điều khiển xe mô tô biển số 81T4-7714 đến nhà bà Nguyễn Thị C (là dì của T) tại thôn A, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi chơi và ngủ qua đêm. Tại nhà bà C, T đã bán chiếc xe mô tô 81T4-7714 cho con trai của bà C tên Bùi Văn Đ (tên gọi khác là Bùi Thanh Đ) với số tiền 1.600.000 đồng. Sau đó, T đón xe ô tô đi vào thành phố Hồ Chí Minh làm thuê. Đến ngày 13/11/2018, anh V phát hiện T có mặt tại địa bàn huyện Đ, tỉnh Gia Lai nên đã dẫn T đến Công an huyện Đ để trình báo.

Qua định giá, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ kết luận: Chiếc xe mô tô biển số 81T4-7714 có trị giá là 5.750.000 đồng và chiếc điện thoại di động Nokia có trị giá 380.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 25/CT-VKS, ngày 30 tháng 7 năm 2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Nguyễn Việt T về các tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Việt T phạm các tội “Trộm cắp tài sản” và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Việt T từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng đến 01 (một) 06 (sáu) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Việt T từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn nêu ý các kiến đề nghị về tổng hợp hình phạt, xử lý vật chứng, về trách nhiệm dân sự và án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại gì đối với hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo được xác định theo lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa như sau: Vào ngày 26/3/2016, tại thôn C, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, sau khi mượn của anh Vũ Văn V và chị Nguyễn Thị X chiếc xe mô tô biển số 81T4-7714 để đi lấy quần áo thì bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe để bán lấy tiền tiêu xài. Do đó, bị cáo đã không đem xe trả lại mà chạy thẳng về quê ở Quảng Ngãi sau đó bán chiếc xe cho Bùi Văn Đ lấy số tiền 1.600.000 đồng tiêu xài cá nhân. Ngoài ra, bị cáo còn lợi dụng sự sơ hở để trộm cắp của anh Vũ Văn V và chị Nguyễn Thị X chiếc điện thoại di động Nokia. Trong quá trình chạy xe về Quảng Ngãi, bị cáo đã bán chiếc điện thoại này cho một cửa hàng điện thoại ở tỉnh Kon Tum lấy 150.000 đồng để đổ xăng. Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đối chiếu lời khai nhận tội của bị cáo với lời khai của những người bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thấy phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nguyễn Việt T đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, khi thực hiện hành vi trộm cắp thì bị cáo đang có một tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” nên dù giá trị tài sản bị trộm cắp chỉ có 380.000 đồng nhưng hành vi đó của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

Xét hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo Nguyễn Việt T thấy rằng: Bị cáo là công dân đã trưởng thành, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài thỏa mãn nhu cầu cá nhân nên bị cáo đã lợi dụng lòng tin, sự sơ hở, dễ dãi trong việc quản lý, trông coi tài sản của các bị hại để chiếm đoạt của họ số tài sản có tổng giá trị theo định giá là 6.130.000 đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ đồng thời ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

Trong vụ án này, đối với tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” bị cáo phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm” theo quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, đối với tội “Trộm cắp tài sản” bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tuy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ như sau khi bị khởi tố đã tự nguyện ra đầu thú, trong quá trình điều tra, xét xử đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nhưng bản thân bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị kết án về hành vi chiếm đoạt tài sản nhưng không lấy đó làm bài học rút kinh nghiệm cho bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Chính vì vậy, cần xử phạt nghiêm khắc đối với bị cáo bằng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Đối với những người bị hại trong vụ án là anh Vũ Văn V và chị Nguyễn Thị X tại phiên tòa đều thừa nhận do họ quá tin tưởng bị cáo và sơ hở trong việc quản lý, trông coi tài sản nên đã tạo điều kiện để bị cáo thực hiện thành công hành vi chiếm đoạt tài sản. Anh V và chị X đều yêu cầu Hội đồng xét xử xử lý nghiêm đối với bị cáo.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Bùi Minh Đ, quá trình điều tra xác định khi mua chiếc xe mô tô biển số 81T4-7714 do Nguyễn Việt T bán thì anh Đ không biết đây là tài sản do phạm tội mà có và sau đó chiếc xe bị mất trộm nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã tách và chuyển nội dung đó đến Công an thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi để điều tra và xử lý khi có căn cứ là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Về vật chứng của vụ án:

- Đối với chiếc xe mô tô 81T4-7714 quá trình điều tra xác định khi mua của Nguyễn Việt T chiếc xe này, Bùi Văn Đ không biết đây là tài sản do phạm tội mà có. Sau đó, Bùi Văn Đ đã bị mất trộm chiếc xe này nên không thu giữ được.

- Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia của gia đình anh V, sau khi trộm cắp được thì Nguyễn Việt T đã bán cho một tiệm điện thoại trên đường bỏ trốn nhưng bị cáo không nhớ được vị trí của tiệm điện thoại này nên cũng không thu giữ được.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại trong vụ án là anh Vũ Văn V và chị Nguyễn Thị X yêu cầu bị cáo phải bồi thường trị giá số tài sản bị chiếm đoạt là 12.450.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại. Xét đây là sự tự nguyện của bị cáo và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử sẽ buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền nói trên.

[5]. Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Việt T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Việt T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Việt T **01 (một)** năm **03 (ba)** tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Việt T **09 (chín)** tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội, bị cáo Nguyễn Việt T phải chấp hành là **02 (hai)** năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày 05 tháng 4 năm 2019.

3. Áp dụng khoản 2 Điều 48 của Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật Dân sự: Xử buộc bị cáo Nguyễn Việt T phải bồi thường cho anh Vũ Văn V và chị Nguyễn Thị X số tiền theo thỏa thuận của hai bên là 12.450.000 đồng (*Mười hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án: Xử buộc bị cáo Nguyễn Việt T phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 622.500 đồng (*Sáu trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo và người bị hại có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đak Đ;
- CA huyện Đak Đ;
- Bị cáo, bị hại;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Người có QL&NVLQ đến vụ án;
- THAHS - THADS;
- Lưu.

Phan Huy Viễn